附件 2

民用核安全设备焊接人员资格证书变更信息表

序号	现聘用单位	姓名	项目代号	有效期至	原聘用单位	备注
			HWS T-T GW VI 02 t19.5 D75/75 a 45° H-L045 ss nb	2022. 10. 31		
			HWS T-T GW II 02 t10 D60/60 α 45° H-L045 ss nb	2022. 10. 31		
		舒丹锋	HWS T GW VI 02 t1.65 D9.52 H-L045 ss nb	2022. 10. 31	浙江博凡动力 装备有限公司	/
			HWS T GW VI 02 t6D57 H-L045 ss nb	2022. 10. 31		
			HWS T GW II 02 t7D48 H-L045 ss nb			
1	中国核工业第五建设		HWS T FW VI 02 T1.65D9.52 H-L045 ml Z4 Φ2.0	2022. 10. 31		
1	有限公司	HWS T FW VI 02 T1.6 ml Z4 Φ HWS T FW II 02 T1.6 ml Z4 Φ HWS T-T GW	HWS T FW VI 02 T1.65D9.52 H-L045 ml Z4 Φ2.0	2022. 10. 31	浙江博凡动力装备有限公司	/
			HWS T FW II 02 T1.65D9.52 H-L045 ml Z4 Ф2.0	2022. 10. 31		
			HWS T-T GW VI 02 t19.5D75/75α60° H-L045 ss nb	2022. 10. 31		
			HWS T-T GW II 02 t10D60/60 α 60° H-L045 ss nb	2 t10D60/60 α 60° 5 ss nb 2022. 10. 31		
		彭朝波	/	/	浙江博凡动力 装备有限公司	理论成 绩有效
			HWS T GW VI 02 t7.47D21.3 H-L045 ss nb	2022. 03. 31	装备有限公司	/
		尹世洋	HWS T FW I 02 T2. 24D13. 7 H-L045 m1 Z4 Φ2. 0	2022. 03. 31	中国核工业二 三建设有限公	
			HD P FW II c T12 PD ml	2020. 11. 30	司	
2	成都海光核 电技术服务 有限公司		HWS T GW I 02 t5.54D60.3 H-L045 ss nb	2022. 03. 31		
			HWS T FW I 02 T2. 24D13. 7 H-L045 ml Z4 Φ2. 0	2023. 09. 31	中国核工业二	/
			HWS T FW VI/SX10 (SX10) 02 T1.96D16 H-L045 ml Z4 φ1.6	2023. 09. 31		
		剡庆年	HWS T GW I 02 t2.24D13.7 H-L045 ss nb	2023. 09. 31	三建设有限公司	
			HWS T GW VI 02 t5D168.3 H-L045 ss nb和HD T GW VI c t13.26D168.3 H-L045 ss mb	2023. 09. 31		

HWS T-T GW VI 02 t1.65D13.7/ α 60° H-L045 ss nb	13. 7	2023. 09. 31
HWS T-T GW VI 02 t5.54D60.3/	60.3	2023. 09. 31
α 45° H-L045 ss nb		